

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BÌNH ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/DS-PT

Ngày: 12 – 5 – 2020

*V/v “Tranh chấp yêu cầu bồi thường
thiệt hại do tài sản bị xâm phạm”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thắm.

Các Thẩm phán:

Bà Lê Thị Hoài Thanh.

Ông Võ Công Phương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Phương Thủy là Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Phạm Tố Phong – Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 5 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bình Định xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2020/TLPT-DS ngày 14 tháng 01 năm 2020 về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện AL, tỉnh Bình Định, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 64/2020/QĐXXPT-DS ngày 27 tháng 4 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện AL, tỉnh Bình Định.

- Bị đơn: Ủy ban nhân dân xã A, huyện AL, tỉnh Bình Định.

Địa chỉ trụ sở: Thôn X, xã A, huyện AL, tỉnh Bình Định.

Người đại diện hợp pháp: Ông Văn Phụng A, chức vụ: Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện AL, tỉnh Bình Định.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Nam Tr, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã A, huyện AL, tỉnh Bình Định. (có mặt)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ông Nguyễn Văn L. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn X, xã A, huyện AL, Bình Định.

2. Ông Trương Minh H. (có mặt)

Địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện AL, tỉnh Bình Định.

- *Người làm chứng:*

1. Bà Đào Thị Ph (vắng mặt).

2. Chị Trần Thị T (vắng mặt).

Đồng địa chỉ: Thôn H, xã A, huyện AL, tỉnh Bình Định.

3. Chị Trương Thị M (vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn T, xã AT, huyện AL, tỉnh Bình Định.

- *Người kháng cáo:* Bà Nguyễn Thị H là nguyên đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H, trình bày:

Nguồn gốc đất có tục danh Đất M, Gò Đ tọa lạc thôn H, xã A, huyện AL là do vợ chồng bà mua của con ông Nguyễn Th vào năm 1980 nhưng không có giấy tờ. Từ năm 1980 đến năm 2005 gia đình bà trồng rau lang, mì (sắn); từ năm 2005 đến năm 2010 trồng keo và đã khai thác thu hoạch lần thứ nhất. Đầu năm 2011 gia đình bà tiếp tục trồng trên đất có tục danh Gò Đ khoảng 700 cây keo và 50 cây cau; trồng trên đất có tục danh Đất M khoảng 600 cây keo. Cuối năm 2011 UBND xã A cưỡng chế chặt phá tổng cộng 1.300 cây keo trị giá 26.000.000 đồng, 45 cây cau trị giá 6.800.000 đồng, thiệt hại trong năm 2011 là 32.800.000 đồng. Năm 2017 gia đình bà tiếp tục trồng keo trên đất có tục danh Gò Đ và bị UBND xã A cưỡng chế chặt phá khoảng 50 cây keo trị giá khoảng 10.000.000 đồng, số keo còn lại gia đình tự khai thác và bán được 4.000.000 đồng. Bà H yêu cầu UBND xã A phải bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm vào năm 2011 và năm 2017 với tổng số tiền 42.800.000 đồng, đến ngày 28/10/2019 bà thay đổi yêu cầu UBND xã A phải bồi thường thiệt hại về tài sản bị xâm phạm từ năm 2011 đến năm 2019 cho bà với tổng số tiền là 136.450.000 đồng.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn Ủy ban nhân dân xã A, ông Trần Nam Tr, trình bày:

Đất có tục danh Đất M, đất Gò Đ tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện AL là đất màu thuộc đất dự phòng và đất quy hoạch nghĩa địa do Ủy ban nhân dân xã A quản lý.

Thực hiện chủ trương nghiêm cấm trồng cây lâm nghiệp trên đất nông nghiệp, từ năm 2006 UBND xã A đã ban hành Thông báo số 22/TB-UBND ngày 12/10/2006 về việc “Nghiêm cấm trồng cây lâu năm trên đất dự phòng, đất công ích thuộc UBND xã A xử lý” theo bản đồ quy hoạch năm 1995; thực hiện Nghị quyết số 03/2010/NQ-HĐND về việc "Điều chỉnh kế hoạch sử dụng đất năm 2010 trên địa bàn xã A" trong đó có nội dung quy hoạch các khu nghĩa địa ở các thôn trên địa bàn xã; Thông báo số 29/TB-UBND ngày

22/8/2011 về việc “Nghiêm cấm trồng các loại cây lâu năm trong khu vực được quy hoạch nghĩa địa và quy hoạch khu dân cư”; Thông báo số 18/TB-UBND ngày 27/3/2017 về việc “Giải tỏa phá bỏ cây trồng trái phép trên đất sản xuất nông nghiệp, đất lấn chiếm lòng sông, đất thuộc hành lang bảo vệ đê và đất hành lang an toàn giao thông đường bộ”; Kế hoạch số 25/KH-UBND ngày 14/7/2017 kiểm tra, giải tỏa phá bỏ cây trồng trái phép trên đất sản xuất nông nghiệp, đất giao quyền sử dụng sai mục đích, đất lấn chiếm lòng hồ, bờ sông và hành lang bảo vệ an toàn cho công trình giao thông, đê, kè trên địa bàn xã A. Ngày 19/7/2017 UBND xã A tổ chức đi kiểm tra tại khu vực Gò Đ thuộc thôn H, xã A đã phát hiện ông Trương Minh H chồng của bà Nguyễn Thị H có trồng keo trái phép trên đất màu xã quản lý. Ngày 20/7/2017 UBND xã A ban hành Quyết định số 169/QĐ-UBND về việc “Thành lập tổ cưỡng chế giải tỏa cây trồng trái phép trên đất sản xuất nông nghiệp, đất đã giao quyền sử dụng sai mục đích, đất lấn chiếm lòng sông bờ sông và hành lang bảo vệ các công trình giao thông, đê, kè thuộc địa bàn xã A”; Thông báo số 53/TB-UBND ngày 25/7/2017 về việc giải tỏa cây trồng trái phép trên đất sản xuất nông nghiệp, đất giao quyền sử dụng sai mục đích, đất dự phòng, đất thuộc vùng quy hoạch do xã quản lý, đất lấn chiếm lòng sông, bờ sông và hành lang bảo vệ an toàn cho các công trình giao thông, đê, kè thuộc địa bàn xã A và thông báo cho hộ ông Trương Minh H chồng bà Nguyễn Thị H là công dân thôn H, xã A kể từ ngày 26/7/2017 đến ngày 28/7/2017 hộ ông H phải tự khai thác hoặc phá bỏ số cây trồng trái phép nói trên trả lại hiện trạng ban đầu. Nếu sau thời gian nêu trên hộ ông bà không chấp hành, không tự khai thác hoặc phá bỏ, UBND xã A sẽ tiến hành tổ chức cưỡng chế phá bỏ. Ngày 29/7/2017 tổ công tác cưỡng chế phá bỏ cây lâm nghiệp trồng trên đất nông nghiệp, đất màu, đất dự phòng của xã quản lý, trong đó có đất của hộ ông H, bà H, trong khi đang thực hiện cưỡng chế thì gia đình bà H đã cam kết với UBND xã A có nội dung “khai thác keo, tôi có trồng một số cây trên đất màu là sai với quy định. Tôi xin UBND xã cho phép thời gian từ nay đến hết ngày 30/7/2017 tôi khai thác giải tỏa số keo đã trồng”, bà Nguyễn Thị H đã ký vào bản cam kết ngày 29/7/2017. Vì vậy tổ công tác không tiến hành cưỡng chế phá bỏ cây keo của hộ gia đình bà H. Sau đó gia đình bà H đã tự khai thác keo bán được 4.000.000 đồng; sự việc này đã có Kết luận số 100/KL-UBND ngày 17/4/2018 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện AL.

Như vậy, UBND xã A cưỡng chế phá bỏ cây keo của hộ gia đình bà Hạnh trồng trên đất trái phép, có tước danh Đất M, đất Gò Đ thuộc đất dự phòng và đất quy hoạch do UBND xã A quản lý là đúng quy định của pháp luật nên không bồi thường theo yêu cầu của bà H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, trình bày:

Số cây keo bà H trồng trái phép trên đất có tước danh Gò Đ, Đất M (đất H) thuộc đất dự phòng và đất quy hoạch nghĩa địa do UBND xã A quản lý. Thực hiện chủ trương của Nhà nước, UBND xã A đã thông báo rộng rãi trong nhân dân là nghiêm cấm trồng cây lâu năm trên đất dự phòng, đất quy hoạch

do xã quản lý, nhưng hộ gia đình bà H vẫn không chấp hành mà ngang nhiên tiếp tục trồng keo trái phép từ năm 2005 đến năm 2011. UBND xã đã xử phạt vi phạm hành chính theo quy định của Luật đất đai năm 2003, nhưng hộ bà H vẫn không chấp hành. Thực hiện theo ý kiến của UBND huyện, UBND xã tiến hành phá bỏ một số keo của các hộ trong đó có hộ gia đình bà H, sau đó bà H khiếu nại lên UBND huyện và được UBND huyện trả lời không giải quyết bồi thường theo yêu cầu của bà Hạnh tại văn bản số 1029/QĐ-CTUBND ngày 29/6/2012 của Chủ tịch UBND huyện AL. Bà không dừng lại mà vẫn tiếp tục trồng keo trái phép để khai thác. Đến ngày 29/7/2017 UBND xã A thành lập tổ cưỡng chế phá bỏ cây keo trồng trái phép trên đất do xã A quản lý, trong đó có cây keo của hộ bà H, bà H đã ký vào bản cam kết tự khai thác keo, trả lại đất cho UBND xã A. Bà H yêu cầu xã A bồi thường thiệt hại số tiền 42.800.000 đồng và thay đổi yêu cầu bồi thường 136.450.000 đồng là không có căn cứ, Ủy ban nhân dân xã A không chấp nhận bồi thường.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trương Minh H, trình bày:

Ông là chồng bà Nguyễn Thị H, ông thống nhất như lời trình bày của bà H. Ông không biết văn bản cam kết ngày 29/7/2017 vì hôm đó ông đi đám tang của con rể ở PY. Ông yêu cầu UBND xã A phải bồi thường thiệt hại về tài sản cho vợ chồng ông số tiền 136.450.000 đồng chứ không phải 42.800.000 đồng như đơn khởi kiện.

Người làm chứng bà Đào Thị Ph, trình bày:

Bà không biết nguồn gốc thửa đất có tục danh Gò Đ hiện bà H đã trồng keo; chỉ biết thửa đất có tục danh Đất M tọa lạc tại thôn H, xã A có nguồn gốc là đất của ông Trần Th người ở cùng thôn khai hoang, canh tác từ năm 1972. Sau đó, ông Thái đi làm ăn xa nên giao lại thửa đất này cho con gái tên Trần Thị T canh tác. Khoảng 09 đến 10 năm nay bà Ph thấy thửa đất trên do bà H trồng cây. Sở dĩ bà biết nguồn gốc thửa đất này là vì đất bà H trồng cây giáp ranh với đất của gia đình bà.

Người làm chứng chị Trương Thị M, trình bày:

Chị là con của bà Nguyễn Thị H và ông Trương Minh H. Ngày 29/7/2017 chị M và bà H đang ở nhà thì có người gọi điện thoại báo UBND xã A đang chặt keo trên diện tích đất có tục danh Gò Đ của gia đình Chị, khi mẹ con Chị đến nơi thì ông Nguyễn Văn L là Cán bộ địa chính xã A bảo mẹ chị ký vào bản cam đoan tự khai thác keo nếu không UBND xã sẽ chặt hết nên mẹ Chị ký vào bản cam đoan để gia đình tự khai thác keo.

Người làm chứng chị Trần Thị T, trình bày:

Các thửa đất tục danh Đất M và đất Gò Đ có nguồn gốc là đất của ông Trần Th (cha chị T). Năm 1993, ông Th đi làm ăn xa nên giao các thửa đất trên cho chị T canh tác. Đến năm 2000 chị T đi theo cha làm ăn nên để lại các thửa đất trên cho vợ chồng ông H, bà H canh tác, vợ chồng ông H, bà H có đưa cho con của chị T 150.000 đồng nhưng thực tế chị T chỉ lấy của bà H

120.000 đồng, giữa hai bên không có giấy tờ mua bán gì. Từ đó, vợ chồng ông H, bà H canh tác các thửa đất trên cho đến nay.

Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện AL, tỉnh Bình Định, quyết định:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn (bà Nguyễn Thị H) về việc buộc bị đơn (UBND xã A) bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm theo đơn khởi kiện là 42.800.000 đồng. Vì không có căn cứ.

2. Đối với yêu cầu tại văn bản ngày 28/10/2019 và tại phiên tòa bà H buộc UBND xã A phải bồi thường thiệt hại từ năm 2011 đến năm 2019 cho bà với tổng số tiền là 136.450.000đ, yêu cầu này HĐXX không xem xét, vì vượt quá phạm vi đơn khởi kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 5 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí dân sự sơ thẩm và quyền kháng cáo của các bên đương sự.

- Ngày 06/12/2019, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm để xét xử lại vụ án.

* Tại phiên tòa phúc thẩm bà Nguyễn Thị H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đồng thời giữ nguyên kháng cáo với nội dung như trên.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu: Trong quá trình tố tụng, người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng. Về nội dung: Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, đề nghị HĐXX giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Bà H bị UBND xã A cưỡng chế tài sản, cụ thể là phá bỏ cây keo của bà H đã trồng trên hai thửa đất có tục danh Đất M và Gò Đ tọa lạc tại thôn H, xã A, huyện AL. Bà H không đồng ý với việc làm của UBND xã A nên đã khởi kiện yêu cầu UBND xã A phải bồi thường thiệt hại tài sản cho Bà với tổng số tiền là 136.450.000 đồng.

[2] Hội đồng xét xử xét thấy: Bà H cho rằng việc UBND xã A cưỡng chế phá bỏ tài sản (cây keo) trên các thửa đất của Bà là không đúng, gây thiệt hại đến kinh tế của Bà. Lẽ ra, Bà phải khiếu kiện hành chính quyết định cưỡng chế của UBND xã A đến cấp có thẩm quyền để xem xét việc ra quyết định cưỡng chế đối với tài sản trên đất của Bà là đúng hay sai theo luật tố tụng hành chính, rồi sau đó mới yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản; nhưng bà H không khiếu nại hay khởi kiện quyết định hành chính của UBND xã A đối với việc cưỡng chế tài sản trên đất của Bà nên chưa đủ điều kiện khởi kiện

yêu cầu bồi thường thiệt hại về tài sản do thực hiện quyết định hành chính gây ra. Lẽ ra, cấp sơ thẩm trả lại đơn khởi kiện của bà H theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 192 Bộ luật Dân sự nhưng cấp sơ thẩm đã thụ lý giải quyết là vi phạm Bộ luật Tố tụng Dân sự nên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được. Căn cứ Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự hủy Bản án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện AL và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện AL, tỉnh Bình Định về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

[3] Số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản bà Nguyễn Thị H đã nộp tạm ứng 1.500.000 đồng, số tiền này bà H phải chịu theo quy định tại khoản 5 Điều 157 và khoản 5 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà H là cá nhân thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp án phí theo quy định điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[5] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bình Định phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án đề nghị không chấp nhận đơn kháng cáo của bà Nguyễn Thị H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm là không phù hợp với nhận định của Tòa.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 4 Điều 308 và Điều 311 Bộ luật Tố tụng Dân sự;

Căn cứ khoản 5 Điều 157 và khoản 5 Điều 165 Bộ luật Tố tụng Dân sự; căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

1. Hủy Bản án sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện AL về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm, giữ nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và bị đơn Ủy ban nhân dân xã A, huyện AL và người có nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn L, ông Trương Minh H và đình chỉ giải quyết vụ án dân sự sơ thẩm số 05/2019/DS-ST ngày 22 tháng 11 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện AL, tỉnh Bình Định về việc tranh chấp yêu cầu bồi thường thiệt hại do tài sản bị xâm phạm.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 1.500.000 đồng, bà H đã nộp xong.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị H không phải chịu.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bình Định;
- TAND huyện An Lão;
- CCTHADS huyện An Lão;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ; Tòa Dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký và đóng dấu)

Đỗ Thị Thắm